

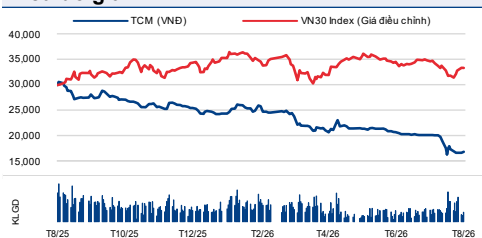
Năm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ22,286
Tiềm năng tăng/giảm: 33.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (6/8/2026)	16,650
Mã Bloomberg	TCM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	16,300-30,530
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	16,638
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	1,959
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	74.6
Slg CP lưu hành (tr.đv)	118
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	56.0
Slg CP NN được mua (tr.đv)	0.02
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.1%
Tỷ lệ sở hữu của NN	50.0%
Tỷ lệ freefloat	43.0%
Cổ đông lớn	E-land (47.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	3,644	3,724	3,853
EBITDA đc (tỷ đồng)	428	436	430
LNTT (tỷ đồng)	339	302	285
LNT ĐC (tỷ đồng)	242	192	183
FCF (tỷ đồng)	9.02	0.07	64.7
EPS ĐC (đồng)	2,058	1,629	1,556
DPS (đồng)	476	476	476
BVPS (đồng)	20,706	22,193	23,621
T.trưởng EBITDA (%)	(1.52)	1.89	(1.23)
T.trưởng EPS ĐC (%)	3.20	(20.9)	(4.49)
Tăng trưởng DPS (%)	nm	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	11.7	11.7	11.2
Tỷ suất LNTT (%)	9.29	8.12	7.40
Tỷ suất LNT ĐC (%)	7.38	6.45	5.87
Tỷ lệ LN trả CT (%)	23.1	29.2	30.6
Nợ thuần/VCSH (%)	6.77	8.62	7.96
ROAE (%)	11.5	9.51	8.40
ROACE (%)	12.3	10.6	9.58
EV/doanh thu (lần)	0.46	0.45	0.43
EV/EBITDA ĐC (lần)	3.95	3.85	3.85
P/E ĐC (lần)	8.09	10.2	10.7
P/B (lần)	0.80	0.75	0.70
Lợi suất cổ tức (%)	2.86	2.86	2.86

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

TCM là một trong số ít các doanh nghiệp dệt may Việt Nam có dây chuyền sản xuất hoàn thiện từ sản xuất sợi đến vải và hàng may mặc.

Chuyên viên phân tích

Huỳnh Phương Bảo Khánh

Chuyên viên, Ngành Hàng Tiêu Dùng
khanh.hp@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q2/2026: Thấp hơn nhiều so với dự báo; lợi nhuận thuần giảm gần một nửa

- Lợi nhuận thuần Q2/2026 giảm 45% so với cùng kỳ (và giảm 31% so với quý trước) xuống 45 tỷ đồng, thấp hơn 38% so với dự báo 73 tỷ đồng của HSC – một kết quả đáng thất vọng. Doanh thu thuần tăng 11% so với cùng kỳ đạt 968 tỷ đồng nhưng tỷ suất lợi nhuận gộp thu hẹp 4,9 điểm phần trăm so với cùng kỳ đã triệt tiêu hoàn toàn tác động tích cực từ doanh thu tăng.
- Tỷ suất lợi nhuận thu hẹp phản ánh áp lực chi phí ngày càng tăng mà TCM phải đối mặt trong bối cảnh giá bán kém tích cực. Chi phí quản lý & bán hàng tăng mạnh (tăng 12% so với cùng kỳ) và khoản lỗ tài chính nhỏ (thay vì lợi nhuận tài chính) tiếp tục gây sức ép lên lợi nhuận.
- Trong nửa đầu năm 2026, lợi nhuận thuần giảm 31% so với cùng kỳ xuống 111 tỷ đồng, chỉ bằng 46% dự báo cả năm 2026 của HSC. Do KQKD Q2/2026 thấp hơn nhiều so với dự báo, HSC đang xem xét lại các dự báo, khuyến nghị và giá mục tiêu, đồng thời nhận thấy rủi ro KQKD thực hiện thấp hơn dự báo lợi nhuận thuần năm 2026.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2026

TCM công bố KQKD Q2/2026 đáng thất vọng với lợi nhuận thuần giảm 45% so với cùng kỳ (và giảm 31% so với quý trước) xuống 45 tỷ đồng, thấp hơn 38% so với dự báo 73 tỷ đồng của HSC. Mặc dù doanh thu thuần tăng 11% so với cùng kỳ đạt 968 tỷ đồng nhưng khả năng sinh lời giảm mạnh do tỷ suất lợi nhuận gộp thu hẹp.

Tính chung nửa đầu năm 2026, lợi nhuận thuần giảm 31% so với cùng kỳ xuống 111 tỷ đồng, chỉ bằng 46% dự báo lợi nhuận thuần cả năm 2026 của HSC; trong khi doanh thu thuần tăng 5% so với cùng kỳ đạt 1.978 tỷ đồng (bằng 53% dự báo doanh thu cả năm 2026). Theo đó, lợi nhuận đang thấp hơn nhiều so với kỳ vọng của HSC.

Doanh thu tăng 11% so với cùng kỳ, nhờ mảng vải

Trong Q2/2026, doanh thu thuần đạt 968 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ, nhờ tăng trưởng mạnh của mảng vải (tăng 38% so với cùng kỳ) cũng như mảng sợi & các sản phẩm khác (tăng 41% so với cùng kỳ), bù đắp hoàn toàn cho kết quả đi ngang của mảng hàng may mặc.

Mảng vải tiếp tục là động lực tăng trưởng chính, phù hợp với kỳ vọng của HSC, nhờ nhu cầu ngày càng tăng từ các nhà sản xuất trong nước đối với vải sản xuất nội địa nhằm đáp ứng yêu cầu xuất xứ và điều kiện hưởng ưu đãi thuế quan theo các hiệp định thương mại tự do như EVFTA và CPTPP.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 6/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD hợp nhất Q2/2026 và 6 tháng đầu năm 2026, TCM

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	873	968	10.9%	1,884	1,978	5.0%
Lợi nhuận gộp	160	130	-18.8%	324	283	-12.8%
Chi phí BH&QL	(65)	(73)	11.8%	(138)	(150)	8.3%
EBIT	95	58	-39.7%	186	133	-28.5%
Lợi nhuận/(chi phí) tài chính ròng	7	(1)	N/a	16	4	-76.7%
Lợi nhuận thuần	81	45	-44.5%	160	111	-30.6%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	18.4%	13.5%		17.2%	14.3%	
Chi phí BH&QL / doanh thu thuần	7.5%	7.5%		7.4%	7.6%	
Tỷ suất EBIT	10.9%	5.9%		9.9%	6.7%	
Tỷ suất lợi nhuận thuần	9.3%	4.7%		8.5%	5.6%	

Nguồn: TCM, HSC

Xét theo thị trường, Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng mạnh nhất với doanh thu tăng 69% so với cùng kỳ đạt 161 tỷ đồng, nhờ nhu cầu vải nội địa tích cực. Qua đó, Việt Nam trở thành thị trường lớn thứ hai của Công ty trong quý, sau Mỹ, nơi doanh thu tăng 24% so với cùng kỳ. Ngược lại, hai thị trường truyền thống chủ chốt là Hàn Quốc và Nhật Bản vẫn suy yếu, với doanh thu giảm lần lượt 22% và 13% so với cùng kỳ.

Tỷ suất lợi nhuận gộp thu hẹp 4,9 điểm phần trăm so với cùng kỳ

Mặc dù doanh thu Q2/2026 tăng 11% so với cùng kỳ nhưng lợi nhuận gộp giảm 19% so với cùng kỳ (và giảm 15% so với quý trước) xuống 130 tỷ đồng do tỷ suất lợi nhuận gộp thu hẹp 4,9 điểm phần trăm so với cùng kỳ xuống 13,5%, từ mức 18,4% trong Q2/2025 (và 15,1% trong Q1/2026). Theo BLĐ, áp lực lên tỷ suất lợi nhuận đến từ chi phí nguyên liệu, năng lượng và nhân công tăng đáng kể, trong khi giá bán gần như không đổi và không đủ bù đắp được phần chi phí đầu vào tăng thêm.

Mặc dù xu hướng thu hẹp tỷ suất lợi nhuận nhìn chung đúng với dự báo của HSC nhưng mức giảm lại mạnh hơn đáng kể so với kỳ vọng. Theo đó, tỷ suất lợi nhuận gộp nửa đầu năm 2026 giảm xuống mức 14,3%, so với 17,2% trong nửa đầu năm 2025, trong khi lợi nhuận gộp giảm 13% so với cùng kỳ. Điều này cho thấy TCM đang đối mặt với áp lực chi phí ngày càng tăng mặc dù doanh thu phục hồi.

Chi phí quản lý & bán hàng tăng và doanh thu HĐ tài chính suy yếu gây thêm áp lực

Trong quý, chi phí quản lý & bán hàng tăng 12% so với cùng kỳ đạt 73 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí nhân công tăng 26% so với cùng kỳ đạt 54 tỷ đồng, tiếp tục kéo giảm lợi nhuận thuần; mặc dù vậy, tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng trên doanh thu nhìn chung ổn định ở mức 7,5%.

Bên cạnh đó, lợi nhuận tài chính, từng đóng góp 7 tỷ đồng trong Q2/2025, đã chuyển thành khoản lỗ tài chính nhỏ khoảng 1 tỷ đồng trong quý này do lãi tỷ giá thực hiện giảm 78% so với cùng kỳ xuống chỉ còn 4 tỷ đồng (từ 17 tỷ đồng trong Q2/2025).

Xem xét lại dự báo, khuyến nghị và giá mục tiêu

KQKD Q2/2026 thấp hơn đáng kể so với dự báo và kỳ vọng của HSC; do đó, chúng tôi nhận thấy rủi ro KQKD thực hiện thấp hơn dự báo lợi nhuận thuần cả năm. Tính chung nửa đầu năm 2026, lợi nhuận thuần giảm 31% so với cùng kỳ xuống 111 tỷ đồng, chỉ bằng 46% dự báo cả năm 2026. Theo đó, HSC đang xem xét lại các dự báo, khuyến nghị và giá mục tiêu.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu thuần theo mảng sản phẩm, TCM

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ
May mặc	634	637	0.4%	1,413	1,385	-2.0%
Vải	173	238	37.7%	324	415	28.2%
Sợi và SP khác	66	93	41.1%	147	178	21.2%
Doanh thu thuần	873	968	10.9%	1,884	1,978	5.0%

Nguồn: TCM, HSC ước tính

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu thuần theo thị trường, TCM

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ
Mỹ	184	228	24.1%	325	368	13.2%
Hàn Quốc	166	129	-22.1%	506	427	-15.5%
Nhật Bản	145	126	-13.3%	358	286	-20.1%
Việt Nam	95	161	69.3%	185	305	65.2%
Canada	89	96	7.8%	130	155	18.7%
EU	65	110	68.8%	130	183	40.7%
Các thị trường khác	129	118	-8.5%	250	253	1.5%

Nguồn: TCM, HSC ước tính

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	3,810	3,644	3,724	3,853	4,020
Lợi nhuận gộp	617	593	583	580	617
Chi phí BH&QL	(304)	(284)	(291)	(301)	(314)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	313	309	292	280	304
Lãi vay thuần	26.8	30.6	10.3	5.67	4.95
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	(0.09)	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	11.0	(0.49)	0	0	0
LN TT	350	339	302	285	309
Chi phí thuế TNDN	(72.4)	(67.2)	(60.5)	(57.0)	(61.8)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(2.00)	(2.24)	(1.83)	(1.92)	(1.97)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	276	269	240	226	245
Lợi nhuận thuần ĐC	235	242	192	183	204
EBITDA ĐC	434	428	436	430	462
EPS (đồng)	1,995	2,058	1,629	1,556	1,738
EPS ĐC (đồng)	1,995	2,058	1,629	1,556	1,738
DPS (đồng)	0	476	476	476	476
Slg CP bình quân (triệu đv)	118	118	118	118	118
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	118	118	118	118	118
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	118	118	118	118	118

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	563	814	792	835	906
Đầu tư ngắn hạn	533	376	447	462	482
Phải thu khách hàng	556	511	610	669	698
Hàng tồn kho	1,003	987	1,079	1,193	1,345
Các tài sản ngắn hạn khác	35.2	123	124	128	134
Tổng tài sản ngắn hạn	2,690	2,811	3,052	3,288	3,566
TSCĐ hữu hình	845	760	751	722	684
TSCĐ vô hình	179	178	177	177	177
Bất động sản đầu tư	2.31	2.24	2.10	1.96	1.82
Đầu tư dài hạn	62.4	58.9	60.3	62.6	65.5
Đầu tư vào Cty LD,LK	8.34	6.74	6.74	6.74	6.74
Tài sản dài hạn khác	108	353	363	374	386
Tổng tài sản dài hạn	1,205	1,360	1,361	1,345	1,321
Tổng cộng tài sản	3,896	4,171	4,412	4,632	4,887
Nợ ngắn hạn	712	743	783	823	863
Phải trả người bán	479	402	421	420	414
Nợ ngắn hạn khác	261	278	284	294	307
Tổng nợ ngắn hạn	1,518	1,513	1,580	1,632	1,683
Nợ dài hạn	59.6	166	163	159	156
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	2.50	2.40	2.45	2.54	2.65
Nợ dài hạn khác	16.7	17.7	18.1	18.8	19.6
Tổng nợ dài hạn	78.8	186	183	181	178
Tổng nợ phải trả	1,624	1,724	1,788	1,839	1,888
Vốn chủ sở hữu	2,261	2,436	2,611	2,779	2,982
Lợi ích cổ đông thiểu số	10.6	11.3	13.1	15.0	17.0
Tổng vốn chủ sở hữu	2,272	2,447	2,624	2,794	2,999
Tổng nợ phải trả và VCSH	3,896	4,171	4,412	4,632	4,887
BVPS (đ)	19,220	20,706	22,193	23,621	25,347
Nợ thuần/(tiền mặt)	208	95.4	154	148	113

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	313	309	292	280	304
Khấu hao	(122)	(119)	(144)	(151)	(158)
Lãi vay thuần	26.8	30.6	10.3	5.67	4.95
Thuế TNDN đã nộp	(69.9)	(67.9)	(60.5)	(57.0)	(61.8)
Thay đổi vốn lưu động	(1.39)	(154)	(264)	(197)	(195)
Khác	3.70	(12.1)	(47.8)	(54.7)	(53.4)
LCT thuần từ HĐKD	392	235	121	182	210
Đầu tư TS dài hạn	(237)	(226)	(121)	(117)	(116)
Góp vốn & đầu tư	(196)	(264)	0	0	0
Thanh lý	81.6	10.4	(2.56)	(2.56)	(2.56)
Khác	0	455	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(352)	(25.4)	(124)	(120)	(119)
Cổ tức trả cho CSH	(0.74)	(51.5)	(56.1)	(56.1)	(56.1)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	92.0	103	36.5	36.5	36.5
Khác	(3.09)	(8.98)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	88.2	42.1	(19.5)	(19.5)	(19.5)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	435	563	814	792	835
LCT thuần trong kỳ	128	252	(22.0)	42.6	71.4
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.56	(0.60)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	563	814	792	835	906
Dòng tiền tự do	154	9.02	0.07	64.7	93.5

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	16.2	16.3	15.6	15.1	15.4
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	11.4	11.7	11.7	11.2	11.5
Tỷ suất LNT (%)	7.24	7.38	6.45	5.87	6.10
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.6	19.9	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	14.6	(4.36)	2.20	3.46	4.32
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	26.4	(1.52)	1.89	(1.23)	7.28
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	81.7	3.20	(20.9)	(4.49)	11.7
Tăng trưởng EPS (%)	109	3.20	(20.9)	(4.49)	11.7
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	81.7	3.20	(20.9)	(4.49)	11.7
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	23.1	29.2	30.6	27.4
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	13.0	11.5	9.51	8.40	8.51
ROACE (%)	13.9	12.3	10.6	9.58	9.80
Vòng quay tài sản (lần)	1.06	0.90	0.87	0.85	0.84
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.25	0.76	0.41	0.65	0.69
Số ngày tồn kho	115	118	125	133	144
Số ngày phải thu	63.5	61.1	70.8	74.6	74.9
Số ngày phải trả	54.7	48.1	48.9	46.8	44.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	11.3	6.77	8.62	7.96	6.36
Nợ/tài sản (%)	21.0	23.5	23.1	22.8	22.4
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.89	2.29	2.33	2.45	2.37
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.77	1.86	1.93	2.01	2.12
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.43	0.46	0.45	0.43	0.40
EV/EBITDA ĐC (lần)	3.79	3.95	3.85	3.85	3.48
P/E (lần)	8.35	8.09	10.2	10.7	9.58
P/E ĐC (lần)	8.35	8.09	10.2	10.7	9.58
P/B (lần)	0.87	0.80	0.75	0.70	0.66
Lợi suất cổ tức (%)	0	2.86	2.86	2.86	2.86

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn